

Bản án số: 118/2021/ HS-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi và ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2021/TLST- HS, ngày 05 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Văn T- Sinh ngày: 06/3/1996 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Trại, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Dương Văn T - Sinh năm 1972 và bà: Đặng Thị T, sinh năm: 1972. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Dương Thị V, sinh năm 1995; con: có 01 con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Trần Thị C- Sinh ngày: 08/4/ 2001.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
2. Anh Nguyễn Văn Tuyển, sinh năm 1989;
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
3. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1999;
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng từ năm 2019 đến đầu năm 2021 chị Trần Thị C có quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với Dương Văn T. Đến đầu năm 2021 chị C chủ động chia tay với anh T do anh T là người đã có gia đình nhưng T không đồng ý, T muốn tiếp tục mối quan hệ nhưng không được chị C đồng ý đã dẫn đến cãi vã. Đến ngày 27/3/2021 tại nhà riêng ở xóm T, xã N, T đã dùng điện thoại cá nhân nhãn hiệu Oppo A92 đăng nhập vào tài khoản facebook cá nhân có tên “T nổ” để lập nên một trang page “Em C Cave Xóm đầm” rồi lấy ảnh của chị C copy từ trang facebook cá nhân “Trần Thị Hương C” của chị C để làm ảnh đại diện và ảnh bìa đưa lên công khai bài viết “Em C cave xóm đầm nga my...” với nội dung dung tục, bôi nhọ, lung mạ làm nhục chị C cùng các hình ảnh, video của chị C và một số hình ảnh nam nữ quan hệ tình dục nhạy cảm được cắt ghép vào mạng internet để tải hình ảnh từ trang web phim sex “Xvideos” sau đó cắt ghép, làm mờ đăng lên cùng với ảnh của chị C với nội dung bôi nhọ, làm nhục chị C đồng thời chia sẻ cho nhiều người cùng xem. Ngày 28/3/2021 tại nhà T lại tiếp tục có hành vi sử dụng mạng xã hội Tiktok dùng các bức ảnh của chị C và ảnh nam nữ quan hệ tình dục với nhau để đăng kèm bài viết ngày 27/3/2021 để làm một đoạn video dài 13 giây nhằm tiếp tục bôi nhọ danh dự chị C và chia sẻ cho nhiều tài khoản khác cùng xem. Sau khi T đăng tải thông tin, bài viết và các hình ảnh nêu trên đã được lan truyền trên mạng xã hội, nhiều người đã xem và chia sẻ, bình luận, nhiều bạn bè, người quen, người thân của chị C đã hỏi thăm, bàn tán khiến cho chị C xấu hổ không dám đi ra ngoài, chị C đã yêu cầu T gỡ các bài viết, hình ảnh, video nhưng T không đồng ý. Thời gian này chị C đang chuẩn bị làm lễ ăn hỏi với anh Đặng Văn T để tiến tới kết hôn nhưng khi anh T xem được những hình ảnh này đã hủy hôn với chị C nên cùng ngày 28/3/2021 chị C đã làm đơn trình báo yêu cầu cơ quan Công an huyện Phú Bình giải quyết.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình, Dương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội vào các ngày 27/3/2021 và ngày 28/3/2021 như đã nêu trên, T đã

gỡ và xóa bỏ các bài viết, hình ảnh, video làm nhục C, giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A92.

Về phân trách nhiệm dân sự: Bị cáo Dương Văn T đã bồi thường cho chị C số tiền 12.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 119/CT-VKSPB, ngày 05-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Văn T về tội: “Làm nhục người khác”, theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Dương Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn T phạm tội: “Làm nhục người khác”.

- Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 05 - 08 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo Dương Văn T phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị Trần Thị C số tiền là 6.500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu tím máy cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại (Chị C) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Về bồi thường thiệt hại, chị yêu cầu bị cáo bồi thường thêm cho chị số tiền là 6.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Từ năm 2019, bị cáo Dương Văn T và chị Trần Thị C có phát sinh quan hệ tình cảm. Đến khoảng đầu năm 2021, do chị C biết bị cáo là người đã có gia đình nên đã chủ động chấm dứt mối quan hệ này, nhưng bị cáo không đồng ý. Do đó bị cáo T đã nảy sinh ý định bôi nhọ, lăng mạ, làm nhục và xúc phạm danh dự của chị C. Thực hiện ý định trên, trong các ngày 27 và 28/3/2021, bị cáo Dương Văn T đã dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 để đăng nhập vào tài khoản facebook cá nhân có tên “T nỏ” để lập fage mang tên “Em C Cave Xóm đằm” đăng tải thông tin, bài viết, hình ảnh, video có hình ảnh cá nhân của chị Trần Thị C cùng với hình ảnh nam nữ quan hệ tình dục do T cắt ghép đưa lên đăng tải công khai, chia sẻ đến nhiều tài khoản và trang mạng facebook. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Làm nhục người khác”, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là: “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 155 của BLHS. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố bị cáo Dương Văn T về tội danh và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 155. Tội làm nhục người khác.

“1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

...
e) *Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Dương Văn T thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý hạ thấp nhân phẩm, danh dự, nhân cách của chị C trong cộng đồng dân cư, nơi chị C sinh sống, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị C được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự nhằm tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, chị C đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cho bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 155 của BLHS thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề ...Tuy nhiên, xét thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị C. Sau khi vụ, việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị C số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị một khoản tiền là 6.500.000 đồng, bị cáo cũng nhất trí bồi thường thêm cho chị C khoản tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp

luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 584, 592 của BLDS và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, cần chấp nhận và công nhận sự thỏa thuận nêu trên giữa bị cáo và bị hại.

[5] Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu tím máy cũ đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu của bị cáo Dương Văn T, tuy nhiên bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội, vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[7] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn T với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu một khoản án phí sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 47, điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Các Điều 357, 468, 584, 586 và Điều 592 của BLDS, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội: “Làm nhục người khác”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Dương Văn T **05** (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/8/2021.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 155 của BLHS.

4. Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2021).

5. Việc bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại như sau:

- Bị cáo Dương Văn T phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị Trần Thị Csố tiền là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Chị C), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bị cáo T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu tím máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu A2.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình).

7. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo Dương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án

- Bị hại (Chị Trần Thị C) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

